

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**
(Đề thi có 04 trang)**KỲ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA NĂM 2017****Bài thi: NGOẠI NGỮ; Môn thi: TIẾNG TRUNG QUỐC****Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề**

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 607

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.**Câu 1.** 老师确实是人类当之无愧的灵魂工_____师。

- A. 程 B. 种 C. 积 D. 稅

Câu 2. Phiên âm đúng của từ 绘画 là: _____.

- A. huī huā B. huì huà C. huī huà D. huì huā

Câu 3. Phiên âm đúng của từ 简历 là: _____ iǎnlì.

- A. x B. q C. j D. d

Câu 4. 今天上午八点上口语课, 他七点半_____到教室了。

- A. 才 B. 刚 C. 总 D. 就

Câu 5. 昨天他踢足球的时候_____, 今天还走不了路。

- A. 摔了摔 B. 摔摔 C. 摔了 D. 摔一摔

Câu 6. 我们谁也不想失去这次提高汉语水平的_____。

- A. 时间 B. 机会 C. 情况 D. 时候

Câu 7. 医生_____地走到病人床前, 给他盖好被子。

- A. 轻了轻 B. 轻轻 C. 很轻轻 D. 轻了

Câu 8. 那位姑娘_____我笑了笑, 很有礼貌地把手伸了出来。

- A. 向 B. 往 C. 由 D. 从

Câu 9. 阮老师平时很幽默, 但上课时却很_____, 对学生的要求也很高。

- A. 沉重 B. 严重 C. 沉默 D. 严肃

Câu 10. 专家们_____智慧和经验创造了一套全新的操作方法, 提高工作效率。

- A. 按 B. 据 C. 凭 D. 依

Câu 11. 汽车使市民的出行更加便利, 但_____。

- A. 也给带来了一系列问题城市 B. 也给城市带来了一系列问题

- C. 也带来了给城市一系列问题 D. 也带来了一系列问题给城市

Câu 12. 真没想到, 才六岁的黄明_____能把那首歌唱得如此美妙动听。

- A. 果然 B. 竟然 C. 自然 D. 固然

Câu 13. 我们都知道, _____勤奋努力, _____能在事业上获得成功。

- A. 尽管……但…… B. 只有……才…… C. 不管……也…… D. 即使……也……

Câu 14. 多参加体育运动, _____能增强体质, _____能使精力充沛。

- A. 即使……也…… B. 连……也…… C. 既……也…… D. 既然……就……

Câu 15. 她_____工作多么紧张, _____要挤出时间给老公和女儿做点儿好吃的。

- A. 只要……就…… B. 即使……也…… C. 如果……就…… D. 无论……也……

Câu 16. 这个晚会我们花了多少_____, 你不帮忙就算了, 怎么在这儿泼冷水啊?

- A. 心愿 B. 心情 C. 心理 D. 心思

Câu 17. 豆浆中_____丰富的植物蛋白、维生素、铁、钙等物质, 素有“植物牛奶”之称。

- A. 富有 B. 所有 C. 含有 D. 拥有

Câu 18. 这次明明是你做错了, _____能怪别人呢? 太不像话了!

- A. 什么 B. 什么样 C. 怎么样 D. 怎么

Câu 19. 等我做好_____这个作业, 我们就可以一起听音乐了。

- A. 了 B. 过 C. 的 D. 着

Câu 20. 那部电影我只看了一半，后来呢，你给我讲讲_____！

- A. 吧 B. 呢 C. 了 D. 吗

Câu 21. 他回到家的第一件事就是吃一_____妈妈做的饭。

- A. 顿 B. 趟 C. 个 D. 遍

Câu 22. 越南中部人口味都比较_____，爱吃咸、辣的食物。

- A. 浅 B. 轻 C. 重 D. 大

Câu 23. 天冷了，出去的时候你别忘了多穿_____。

- A. 帽子 B. 衣服 C. 手表 D. 眼镜

Câu 24. 这几年，小丽一个人生活在国外，_____了不少苦。

- A. 吃 B. 试 C. 喝 D. 碰

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích cho từ/cụm từ được gạch chân trong các câu sau.

Câu 25. 这个电视频道专门播放世界各国的引人注目的事件。

- A. 使人关注 B. 使人吃惊 C. 令人讨厌 D. 深受欢迎

Câu 26. 平时她很少参加体育运动，谁知道她得了这次赛跑的亚军。

- A. 没想到 B. 没人知 C. 有人知道 D. 有人想到

Câu 27. 他们班人人都很努力学习，尤其是王兰和张东。

- A. 我们 B. 一个人 C. 自己 D. 每个人

Câu 28. 律师告诉我们，如果能抓住对方的过失，那事情就容易处理了。

- A. 耽误 B. 误会 C. 正误 D. 错误

Câu 29. 你放心好了，不要为我着急，对这个问题我心中有数儿。

- A. 有把握 B. 有打算 C. 有目的 D. 有数目

Câu 30. 目前我们公司正急需的就是像你这样有经济头脑的人才。

- A. 脑袋 B. 意思 C. 意识 D. 脑力

Câu 31. 声像技术和通讯技术融为一体的技术，这几年来发展非常迅速。

- A. 慢 B. 快 C. 大 D. 高

Câu 32. 昨天上完汉语课以后，我们一起去学校操场打篮球了。

- A. 借书的地方 B. 锻炼的地方 C. 吃饭的地方 D. 上班的地方

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 33 đến câu 42.

某大学应届毕业生被导师带到国家实验室去参观。坐在会议室里，学生们等待着实验室主任的(33)_____。

这时，一位秘书给大家倒水，同学们表情木然地看着她，(34)_____一个甚至问道：“有冰咖啡吗？”秘书说：“真(35)_____，刚刚用完。”

轮到一个叫比尔的学生时，他轻声地说：“谢谢！你辛苦了。”

秘书抬头看了他一眼，(36)_____这是客气话，却让她感到很温暖。

门开了，主任走(37)_____，跟大家打招呼。会议室里却静悄悄的，没有一个人回应。比尔左右看看，犹豫了一下，鼓起了掌，同学们这才稀稀落落地跟着拍起手来。

主任挥手说：“欢迎同学们！今天(38)_____我给大家介绍实验室的情况并把纪念手册送给你们。”

接下来，更尴尬的事情发生了。大家(39)_____接过主任双手递来的纪念手册，主任的脸色越来越难看。这时比尔站起来，恭恭敬敬地说：“谢谢您！”主任眼前一亮，拍拍比尔的肩膀问：“你叫什么名字？”比尔照实作答。

两个月后，在毕业生的去向表上，比尔的去向是国家实验室。几个同学找到导师问：“比尔的学习成绩最多(40)_____中等，凭什么选他，而没有选我们？”

导师笑着说：“比尔是人家国家实验室点名要的。其实，你们的机会(41)_____一样，你们的成绩比比尔好，但是，除了学习，你们要学的东西还很多，(42)_____便是重要的一课。”

(梁鸿雁，《新汉语水平考试精讲精练》，北京语言大学出版社，2011年)

- | | | | |
|---------------|-------|-------|-------|
| Câu 33. A. 工作 | B. 地方 | C. 到来 | D. 来到 |
| Câu 34. A. 其实 | B. 其他 | C. 其次 | D. 其中 |
| Câu 35. A. 巧妙 | B. 道歉 | C. 恰好 | D. 抱歉 |
| Câu 36. A. 即使 | B. 哪怕 | C. 既然 | D. 虽然 |
| Câu 37. A. 进来 | B. 上来 | C. 下来 | D. 出来 |
| Câu 38. A. 把 | B. 对 | C. 由 | D. 以 |
| Câu 39. A. 随地 | B. 随手 | C. 随心 | D. 随时 |
| Câu 40. A. 看作 | B. 计算 | C. 算是 | D. 当作 |
| Câu 41. A. 偶然 | B. 偶尔 | C. 完全 | D. 全体 |
| Câu 42. A. 礼教 | B. 仪式 | C. 相貌 | D. 礼貌 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 43 đến câu 47.

古希腊有一个叫爱地巴的人，每次生气的时候，就马上跑回家去，绕着自己的房子和土地跑三圈，然后坐在田地边休息。爱地巴工作非常勤劳努力，他的房子越来越大，土地也越来越广，但不管房子、土地有多大，只要与人争论或生气，他还是会绕着房子和土地跑三圈。爱地巴从未告诉别人他为何要这么做。在爱地巴 90 岁那年，他的房子和土地已经非常大了，他也跑不动了。有一天他又生儿子的气了，就让孙子扶着他绕着土地和房子走。他好不容易走了三圈，然后坐在田地边休息，他的孙子向他请求道：“爷爷，您年纪已经这么大了，您不能再像从前一样了。您可不可以告诉我为什么您一生气就要在土地上绕三圈？”

爱地巴禁不起孙子的请求，终于说出了自己的秘密，他说：“年轻时，我一和人争论、生气，就绕着房子和土地跑三圈，边跑边想，我的房子和土地这么小，我哪儿有时间去跟人家生气，一想到这里，气就消了，于是就把所有时间用来努力工作。”孙子又问：“爷爷，您现在已经变成最富有的了，为什么还要这样做呢？”

爱地巴笑着说：“我现在还是会生气，生气时绕着房子和土地走三圈，边走边想，我的房子这么大，土地这么多，我又何必跟人生气？一想到这儿，气就消了。”

(刘云，《新汉语水平考试》，北京大学出版社，2010年)

Câu 43. 年轻时的爱地巴每次生别人的气时有什么习惯？

- | | |
|-----------------|-----------------|
| A. 绕自己的房子和土地跑三圈 | B. 跑回家去跟孙子聊聊天 |
| C. 坐在自己的田地边休息 | D. 让孙子扶着他在院子里走走 |

Câu 44. 爱地巴年轻时为什么跑了以后就不发火了？

- | | |
|-------------------|----------------|
| A. 跑的过程中把不开心的事忘了 | B. 跑累了以后气就自然消了 |
| C. 认为自己很穷，要抓紧时间工作 | D. 想跟别人保持友好的关系 |

Câu 45. 谁知道了爱地巴的秘密？

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 孙子 | B. 儿子 | C. 女儿 | D. 妻子 |
|-------|-------|-------|-------|

Câu 46. 关于爱地巴，可以知道什么？

- | | |
|--------------|--------------|
| A. 善于调整自己的情绪 | B. 年轻的时候就很富裕 |
| C. 是个喜爱跑步的人 | D. 是个不爱生气的人 |

Câu 47. 关于爱地巴年老时的变化，下面哪项不正确？

- | | | | |
|---------|------------|-------------|---------|
| A. 不生气了 | B. 房子大、土地广 | C. 生气时的习惯变了 | D. 跑不动了 |
|---------|------------|-------------|---------|

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/cụm từ trong ngoặc trong các câu sau.

Câu 48. 她请我吃一种 **A** 在别的地方 **B** 不易吃到的 **C** 细巧的 **D** 点心。 (手工制作的)

Câu 49. 这还有什么 **A** 奇怪的, 你弄 **B** 了人家的东西 **C** 就要 **D** 赔偿啊! (坏)

Câu 50. 我以前 **A** 在北京 **B** 看过京剧表演, 真 **C** 想有机会 **D** 看一次。 (再)

----- HẾT -----